



NEOPROOF PU W (NEOTEX - HY LẠP)



Chống thấm gốc polyurethane kháng UV, đàn hồi cao, kết liền vết nứt



GIẢI PHÁP CHỐNG THẤM

Hạng mục: **MÁI LỘ THIÊN**

Vật liệu chính: **NEOPROOF PU W**

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Neoproof PU W chất chống thấm sàn mái PU gốc nước với độ bền cơ học và khả năng chống thấm nổi trội. Nó hình thành nên lớp màng ngăn ẩm không thấm nước với khả năng chịu UV và ứng suất cơ học..

ỨNG DỤNG

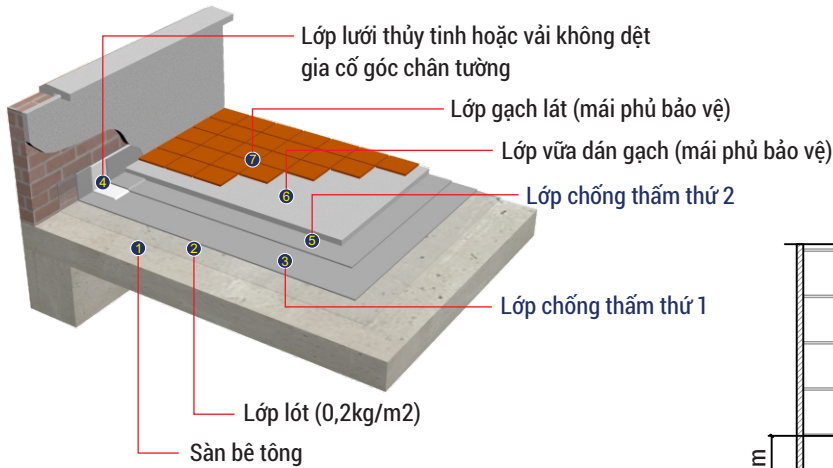
Hệ thống chống thấm sàn Mái bê tông, tấm lợp xi măng, khám, vữa xi măng. Lớp mặt mái với khả năng chống đọng nước. Bề mặt kim loại sau khi quét sơn lót thích hợp (**Vinyfix Primer** hoặc **Silatex Primer**).
Lớp chống thấm PU hoặc AC mới hoặc cũ.

ĐẶC TÍNH ƯU ĐIỂM

- Bám dính tốt lên các bề mặt đặc, chắc
- Dễ trộn, dễ thi công
- Chịu nhiệt độ từ -15 C đến +80 C
- Không xuất hiện lỗ rỗ trên bề mặt trong thời gian ninh kết.
- Cường độ cơ học cao
- Thân thiện môi trường (gốc nước)
- Dung dịch lý tưởng cho chống thấm mái có thể bước lên
- Có thể thi công bằng cách quét, lăn, phun

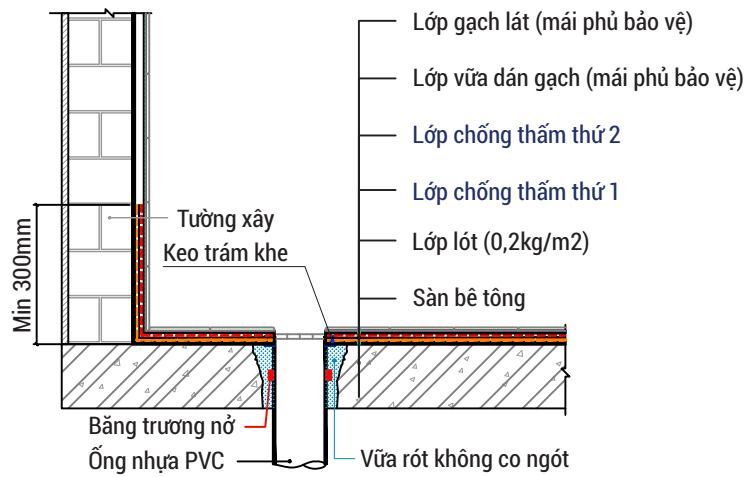


CẤU TẠO HỆ THỐNG



Chi tiết cấu tạo chống thấm

Mặt cắt cấu tạo chống thấm



DANH MỤC SẢN PHẨM

● Sản phẩm chính



Neoproof PU W

● Sản phẩm phụ



Lót Silatex Primer



Băng trương nở



Vữa rót



Vải không dệt



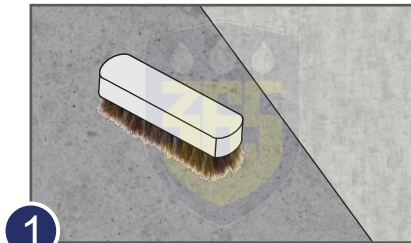
Keo trám khe
Neotex PU Joint

● Thông số kỹ thuật

- Hình thức: Dung dịch nhớt
- Tỷ trọng (EN ISO 2811-1:2011): 1,34 - 1,36 kg/l
- Định mức tiêu thụ: 1 - 1.2kg/m²/2 lớp (bề mặt gốc xi măng)
- Thời gian khô (25 oC): 2 - 3 giờ ban đầu
- PH (ISO 1148): 8 - 9
- Thi công lớp kế tiếp: sau 24 giờ (nhiệt độ thấp và độ ẩm cao sẽ kéo dài thời gian khô)
- Cường độ bám dính (EN 1542:2001): 2,54 N/mm²
- Độ cứng shore A (ASTM D2240): 68
- Nhiệt độ sử dụng: -15 oC đến +80 oC
- Hệ số hấp thụ (EN 1062-3:2008): 0,00 kg/m² min0,5
- Thẩm CO₂ (EN 1062-6:2002 Phương pháp A): 1,7 g/(m² d)
- Hệ số kháng μ (EN1062-6:2002 Phương pháp A): 14536
- Hệ số Sd (EN 1062-6:2002 Phương pháp A): 154,08m
- Thẩm hơi nước Λ (ISO7783-1:1999): 0,00307g/cm² d-1
- Hệ số kháng trong khuếch tán μ (ISO 7783-1:1999): 451,4
- Hệ số Sd (ISO 7783-1:1999): 4,78
- Hàm lượng chất rắn theo trọng lượng (ASTM D5201): 67%
- Chịu tải tối đa: (ASTM D 412-06a): 34,95 ± 2,15N
- Ứng suất chịu kéo khi chịu tải tối đa: 2,28 ± 0,16MPa
- Biến dạng căng khi chịu tải tối đa (ASTM D 412-06a): 475,15 ± 33,04%
- Biến dạng căng tại điểm gãy (ASTM D 412-06a): 486,57 ± 33,30%
- Hệ số đàn hồi (ASTM D412-06a): 1,83 ± 0,10MPa

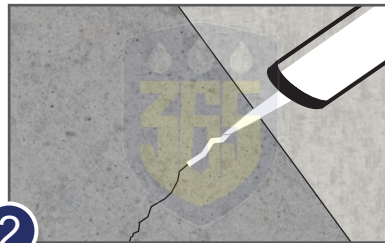


HƯỚNG DẪN THI CÔNG



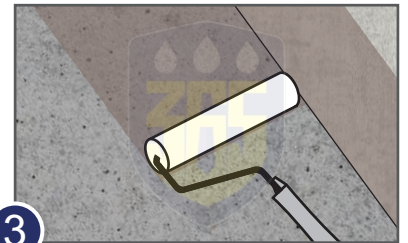
1

Mài bề mặt loại bỏ những thành phần lỏng lẻo, đảm bảo bề mặt không có muối hoặc chất dầu



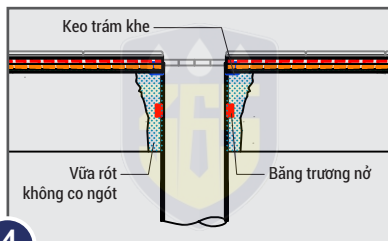
2

Xử lý các vết nứt bằng keo chuyên dụng đối với vết nứt rộng > 2mm xử lý bằng vải không dệt đối với vết nứt rộng < 2mm



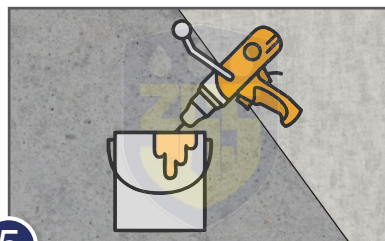
3

Thi công lớp lót định mức 0.2kg/m²



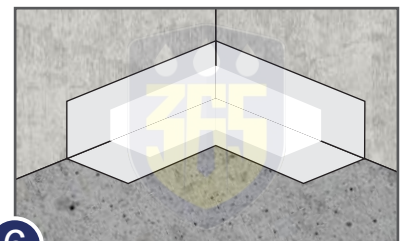
4

Xử lý cổ ống bằng vữa rót không co ngót, keo trám khe và băng trương nở



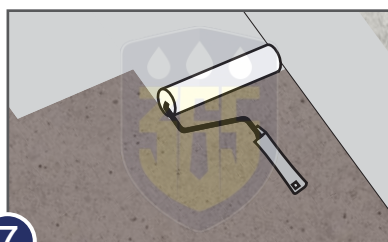
5

Khuấy bằng máy gia tốc chậm 300 vòng/phút đến khi đồng đều



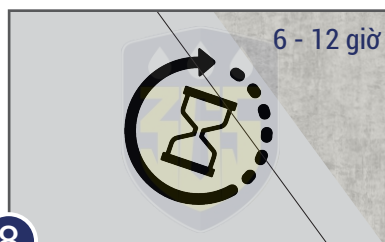
6

Gia cố chống xé góc chân tường bằng vải không dệt



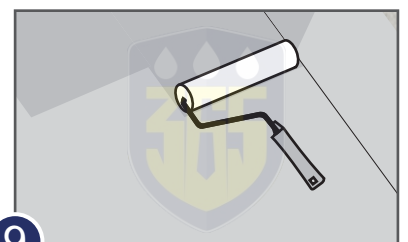
7

Lăn, quét hoặc phun lớp thứ 1 theo định mức 0.75 kg/m²/lớp



8

Chờ lớp thứ 1 khô sau khoảng 6-12 giờ tùy theo điều kiện thời tiết



9

Lăn, quét hoặc phun lớp thứ 2 theo định mức 0.75 kg/m²/lớp

** Lưu ý:

- Điều kiện độ ẩm và nhiệt độ thấp trong thời gian thi công, sẽ kéo dài thời gian khô và nhiệt độ cao sẽ rút ngắn lại.
- Không thi công khi dự báo trời sẽ mưa
- Để sản phẩm khô từ 5 đến 7 ngày, trước khi ốp gạch hoặc thi công lớp phủ.
- Rửa thiết bị, dụng cụ bằng nước sạch ngay sau khi sử dụng. Vật liệu đã đông cứng chỉ có thể loại bỏ bằng biện pháp cơ học.